

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 69 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 và Điều 3 của Nghị quyết này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong luật, pháp lệnh cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án

đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về việc cho phép bổ sung dự án luật, pháp lệnh để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, 2012 theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan hoàn thành việc soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh nêu trên gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành để thực thi Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, thực hiện ngay việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền, ban hành để bảo đảm thi hành khi các văn bản của trung ương nói trên có hiệu lực.

Điều 6. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được

Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- HĐTV: các thành viên HĐTV;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b) 245

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tân Dũng



**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-CP
ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)*

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. LĨNH VỰC QUẢNG CÁO

1. Các thủ tục:

- Cấp phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô đối với hàng hóa, dịch vụ thông thường - B-BVH-023871-TT

- Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô đối với hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực y tế, bao gồm: vắc xin, sinh phẩm y tế; hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; thực phẩm, phụ gia thực phẩm (do các cơ quan của Bộ Y tế cấp Giấy tiếp nhận) - B-BVH-027388-TT

- Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô đối với hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực y tế, bao gồm: dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; trang thiết bị y tế; mỹ phẩm; thực phẩm, phụ gia thực phẩm (do Sở Y tế cấp giấy tiếp nhận) - B-BVH-027418-TT

- Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô đối với hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn - B-BVH-028439-TT

a) Thay thế thủ tục “Cấp phép thực hiện quảng cáo trên bảng biển, pa-nô đối với hàng hóa, dịch vụ thông thường, hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực y tế, hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn” bằng nghĩa vụ thông báo của doanh nghiệp trước khi thực hiện quảng cáo cùng với cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về yêu cầu, điều kiện, nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo. Tăng cường công tác hậu kiểm của các cơ quan quản lý nhà nước về quảng cáo và hoàn thiện các quy định của pháp luật về: quy hoạch quảng cáo ở các địa phương, công bố “tiêu chuẩn quảng cáo” bảng, biển, pa-nô cho các loại hàng hóa, dịch vụ; cụ thể điều kiện quảng cáo; phân loại bảng, biển, pa-nô để quy định về thỏa thuận xây dựng.

b) Bỏ quy định về thu lệ phí cấp phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô.

2. Các thủ tục:

- Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng-rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước đối với hàng hoá, dịch vụ thông thường - B-BVH-024030-TT

- Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng-rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động khác đối với hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực y tế - Bao gồm: vắc xin, sinh phẩm y tế; hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; thực phẩm, phụ gia thực phẩm (do các cơ quan của Bộ Y tế cấp giấy tiếp nhận) - B-BVH-028306-TT

- Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng-rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động khác đối với hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực y tế - Bao gồm: dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; trang thiết bị y tế; mỹ phẩm; thực phẩm, phụ gia thực phẩm (do Sở Y tế cấp giấy tiếp nhận) - B-BVH-035943-TT

- Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng-rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động khác đối với hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn - B-BVH-028473-TT

a) Thay thế thủ tục cấp phép thực hiện quảng cáo trên băng-rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động khác đối với hàng hóa, dịch vụ thông thường, hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực y tế, hàng hoá, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn bằng nghĩa vụ thông báo của doanh nghiệp trước khi quảng cáo cùng với cam kết về tuân thủ những quy định của pháp luật về yêu cầu, điều kiện, nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo. Tăng cường công tác hậu kiểm của cơ quan hành chính nhà nước và hoàn thiện các quy định của pháp luật về quy hoạch quảng cáo ở địa phương, công bố “tiêu chuẩn quảng cáo” băng-rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động khác cho các loại hàng hóa, dịch vụ; quy định cụ thể điều kiện quảng cáo.

b) Bỏ quy định về thu lệ phí cấp phép thực hiện quảng cáo trên băng-rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động khác.

3. Thủ tục gia hạn giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng, biển, pa-nô, phương tiện giao thông – B-BVH-035943-TT

Bãi bỏ thủ tục gia hạn cấp phép thực hiện quảng cáo.

II. LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

1. Các thủ tục:

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả - B-BVH-042272-TT

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan - B-BVH-042248-TT

a) Quy định tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện tới Cục Bản quyền tác giả hoặc đại diện của Cục tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định “Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan” thay thế “Đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan”.

- Quy định ngôn ngữ trong Tờ khai: “đăng ký quyền tác giả” và “đăng ký quyền liên quan” là song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

- Quy định cụ thể các tài liệu gửi kèm hồ sơ. Trường hợp bản sao phải có công chứng/chứng thực. Trường hợp, tài liệu được dịch ra tiếng Việt từ tiếng nước ngoài phải công chứng/chứng thực.

- Quy định số lượng tài liệu nộp kèm hồ sơ là 01 bản/mỗi loại. Quy định nộp hai bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả hoặc hai bản sao, bản định hình đăng ký quyền liên quan như sau: 01 bản lưu tại Cục Bản quyền tác giả, 01 bản đóng dấu ghi số giấy chứng nhận đăng ký gửi trả lại cho chủ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký.

- Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

2. Các thủ tục:

- Cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả - B-BVH-042302-TT

- Cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan - B-BVH-042288-TT

a) Quy định tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền đề nghị cấp lại, đổi giấy chứng nhận nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện tới Cục Bản quyền tác giả hoặc đại diện của Cục tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Ban hành mẫu tờ khai đề nghị cấp lại, đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bằng tiếng Việt và tiếng Anh (Mẫu tờ khai song ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh).

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ. Trường hợp bản sao và tài liệu được dịch ra tiếng Việt từ tiếng nước ngoài phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực.

- Quy định số lượng tài liệu nộp kèm hồ sơ là 01 bản/mỗi loại. Quy định nộp hai bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả hoặc hai bản sao, bản định hình đăng ký quyền liên quan như sau: 01 bản lưu tại Cục Bản quyền tác giả, 01 bản đóng dấu ghi số giấy chứng nhận đăng ký gửi trả lại cho chủ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký.

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

3. Các thủ tục:

- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho cá nhân, pháp nhân nước ngoài - B-BVH-042277-TT

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho cá nhân, pháp nhân nước ngoài - B-BVH-42271-TT

a) Quy định rõ tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện tới Cục Bản quyền tác giả hoặc đại diện của Cục tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định “Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan” thay cho “Đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan”.

- Bổ sung tiếng Anh vào mẫu: “Tờ khai đăng ký quyền tác giả” và mẫu “Tờ khai đăng ký quyền liên quan” (Mẫu tờ khai song ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh).

- Quy định rõ các tài liệu gửi kèm hồ sơ. Trường hợp bản sao hoặc tài liệu được dịch ra tiếng Việt từ tiếng nước ngoài phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực.

- Quy định số lượng tài liệu nộp kèm hồ sơ là 01 bản/mỗi loại. Quy định nộp hai bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả hoặc hai bản sao, bản định hình đăng ký quyền liên quan như sau: 01 bản lưu tại Cục Bản quyền tác giả, 01 bản đóng dấu ghi số giấy chứng nhận đăng ký gửi trả lại cho chủ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký.

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

III. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

1. Thủ tục Cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ - B-BVH-021678-TT

a) Quy định tổ chức xin cấp phép gửi hồ sơ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ:

2. Thủ tục Cấp phép thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước - B-BVH-023663-TT

a) Quy định tổ chức xin cấp phép thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước gửi hồ sơ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách: nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Vấn đề khác: Bỏ cụm từ “Điều 39” tại điểm a, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 86/2005/NĐ-CP về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước.

3. Thủ tục Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp -B-BVH-021645-TT

a) Quy định tổ chức xin cấp phép gửi hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp.

b) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

4. Thủ tục Thành lập bảo tàng tư nhân - B-BVH-020664-TT

a) Quy định tổ chức xin phép thành lập bảo tàng tư nhân gửi hồ sơ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sở tại bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính như sau: 07 ngày đối với việc thẩm định và xác nhận điều kiện thành lập bảo tàng của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; 07 ngày đối với việc xem xét và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Ban hành mẫu đơn xin phép thành lập bảo tàng tư nhân.

5. Thủ tục Đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài (Sau khi mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế di vật, cổ vật không thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội) - B-BVH-020683-TT

a) Quy định tổ chức xin cấp phép gửi hồ sơ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời gian cấp giấy phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Ban hành mẫu đơn xin phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài.

6. Thủ tục Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia -B-BVH-021722-TT

a) Quy định tổ chức xin cấp phép gửi hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bổ sung giấy tờ chứng minh/xác nhận (nếu có) nguồn gốc xuất xứ của di vật, cổ vật.

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể việc thu phí, lệ phí đăng kí di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

7. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia - B-BVH-021545-TT

a) Quy định cá nhân xin cấp giấy chứng chỉ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sở tại.

b) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Ban hành mẫu đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

8. Thủ tục Cấp giấy phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương – B - BVH - 021849 - TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi tiến hành nghiên cứu, sưu tầm văn hóa phi vật thể.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Ban hành mẫu đơn xin phép nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (mẫu đơn song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn cấp giấy phép là 20 ngày làm việc.

9. Thủ tục Cấp giấy phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên - B-BVH-021861-TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Ban hành mẫu đơn xin phép nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (mẫu đơn song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh).

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn cấp giấy phép là 20 ngày làm việc.

IV. LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

1. Thủ tục Cấp giấy phép công diễn cho các tổ chức thuộc địa trung ương (Bao gồm: đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp công lập, đơn vị biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và các tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội trung ương) - B-BVH-029346-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật trung ương.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Thủ tục Cấp giấy phép công diễn cho các tổ chức thuộc địa phương (Bao gồm: đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp công lập, đơn vị biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và các tổ chức kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội thuộc địa phương) - B-BVH-029338-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn cho các tổ chức thuộc địa phương.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Thủ tục cấp giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật thành lập và hoạt động theo Nghị định 73/1999/NĐ-CP của Chính phủ: Đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (các đơn vị ngoài công lập) - B-BVH-029285-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn cho các đơn vị nghệ thuật ngoài công lập.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Thủ tục Đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ nội bộ trong trường hợp có sự tham gia của đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, diễn viên nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam đó được Cục nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cho phép vào Việt Nam biểu diễn (Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, văn hoá, xã hội; chủ địa điểm khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, cửa hàng ăn uống, giải khát, điểm vui chơi giải trí công cộng) - B- BVH-029362-TT

Thay thế thủ tục đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật bằng nghĩa vụ thông báo lịch biểu diễn của đơn vị tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch địa phương nơi tổ chức biểu diễn trước 03 ngày làm việc.

5. Thủ tục Đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đối với các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại địa điểm đăng ký hoạt động - B-BVH-029360-TT

Thay thế thủ tục đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật bằng nghĩa vụ thông báo lịch biểu diễn của đơn vị tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch địa phương nơi tổ chức biểu diễn trước 03 ngày làm việc.

6. Các thủ tục:

- Cho phép đơn vị nghệ thuật trung ương, diễn viên thuộc các đơn vị nghệ thuật trung ương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp - B-BVH-019356-TT

- Cho phép đơn vị nghệ thuật, diễn viên thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp - B-BVH-029358-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật trung ương, diễn viên thuộc các đơn vị nghệ thuật trung ương ra nước ngoài biểu diễn và mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên địa phương ra nước ngoài biểu diễn.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7. Thủ tục cho phép phổ biến tác phẩm ca nhạc, sân khấu trước năm 1975 tại các tỉnh phía Nam - B-BVH-029927-TT

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định mẫu đơn đề nghị cho phép phổ biến tác phẩm ca nhạc, sân khấu trước năm 1975 tại các tỉnh phía Nam.

8. Các thủ tục:

- Cho phép đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc trung ương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp - B-BVH-029353-TT

- Cho phép đơn vị nghệ thuật đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật thuộc địa phương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp - B-BVH-029403-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật trung ương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào biểu diễn ở Việt Nam và mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn cho đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật thuộc địa phương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9. Thủ tục cho phép đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam mời diễn viên là người Việt Nam ở nước ngoài về nước biểu diễn nghệ thuật trên phạm vi toàn quốc - B-BVH-029350-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc trung ương mời diễn viên là người Việt Nam ở nước ngoài về nước biểu diễn.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10. Thủ tục Cho phép đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc Trung ương mời diễn viên là người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp - B-BVH-049818-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc Trung ương mời diễn viên là người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam biểu diễn nghệ thuật.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

11. Các thủ tục:

- Cấp giấy phép phát hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc TW -B-BVH-029774-TT

- Cấp phép phát hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu cho các tổ chức tại địa phương - B-BVH-029831-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép phát hành băng đĩa ca nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc trung ương và mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép phát hành băng đĩa ca nhạc, sân khấu cho các tổ chức tại địa phương.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

12. Thủ tục cấp nhãn kiểm soát dán trên băng, đĩa cho các tổ chức phát hành băng, đĩa trên toàn quốc - B-BVH-028730-TT

a) Về thẩm quyền cấp nhãn kiểm soát dán trên băng đĩa:

Phân cấp việc cấp nhãn kiểm soát dán trên băng đĩa cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với các tổ chức ở địa phương. Cục Nghệ thuật biểu diễn có thẩm quyền cấp nhãn kiểm soát trên băng, đĩa đối với tổ chức, cá nhân thuộc Trung ương và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp nhãn kiểm soát đối với tổ chức, cá nhân thuộc địa phương.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp nhãn kiểm soát băng đĩa ca nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc trung ương.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

13. Thủ tục Phê duyệt nội dung băng, đĩa ca nhạc, sân khấu hoặc sản phẩm nghe nhìn thuộc các thể loại khác (ghi trên mọi chất liệu) không phải là tác phẩm điện ảnh cho các doanh nghiệp nhập khẩu -B-BVH-029881-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị xét duyệt nội dung sản phẩm băng, đĩa ca nhạc, sân khấu cho các doanh nghiệp nhập khẩu.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

14. Các thủ tục:

- Cấp phép cho đơn vị đưa thí sinh đạt danh hiệu tại các cuộc thi hoa hậu, hoa khôi và người đẹp dự thi hoa hậu quốc tế - BVH-030279-TT;

- Cấp phép tổ chức cuộc thi Người đẹp tại địa phương - B-BVH-030235-TT.

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp tại địa phương.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

15. Thủ tục Cấp phép tổ chức thi Hoa hậu toàn quốc – B-BVH-030404-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi Hoa hậu toàn quốc.
- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

16. Thủ tục Cấp phép tổ chức thi Hoa hậu quốc tế tại Việt Nam – B-BVH-030384-TT.

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi hoa hậu quốc tế tại Việt Nam.
- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

17. Thủ tục Cấp phép tổ chức thi hoa khôi vùng, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội trung ương – B - BVH-030359-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi hoa khôi vùng, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội trung ương.
- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

18. Thủ tục cấp phép cho đơn vị đưa thí sinh đạt danh hiệu tại các cuộc thi hoa hậu, hoa khôi và người đẹp dự thi hoa hậu quốc tế - B-BVH-030279-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép cho đơn vị đưa thí sinh đạt danh hiệu tại các cuộc thi hoa hậu, hoa khôi và người đẹp dự thi hoa hậu quốc tế.
- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

19. Thủ tục Cấp phép công diễn cho tổ chức, cá nhân trình diễn thời trang - B-BVH-030326-TT

Tách thủ tục này thành hai thủ tục riêng biệt “Thủ tục cấp phép công diễn cho tổ chức, cá nhân người Việt Nam trình diễn thời trang” và “Thủ tục cấp phép công diễn cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài trình diễn thời trang tại Việt Nam”.

a) Trình tự, cách thức thực hiện: Quy định tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bổ sung mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân trình diễn thời trang.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

20. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ cho phép người nước ngoài đang sinh sống tại địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên địa bàn - B-BVH-029413-TT

Bãi bỏ thủ tục tiếp nhận hồ sơ cho phép người nước ngoài đang sinh sống tại địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên địa bàn.

21. Thủ tục tặng huy chương vàng, huy chương bạc cho cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc trong các liên hoan, hội thi, hội diễn không chuyên nghiệp cấp khu vực và toàn quốc - B - BVH-036084 -TT

Bỏ thủ tục tặng huy chương vàng, huy chương bạc cho cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc trong các đợt liên hoan, hội thi, hội diễn không chuyên nghiệp cấp khu vực và toàn quốc ra khỏi Bộ thủ tục hành chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành kèm theo Quyết định số 2772/QĐ-BVHTTDL ngày 11/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

V. LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp sản xuất phim - B-BVH-004584-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận.

- Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

2. Thủ tục cấp giấy phép cho tổ chức trong nước hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài - B-BVH-005403-TT

a) Về thẩm quyền giải quyết thủ tục: Quy định thẩm quyền cho phép tổ chức trong nước hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài là Cục Điện ảnh.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

c) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cho phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 1 bộ.

3. Thủ tục tổ chức chiếu, giới thiệu phim nước ngoài tại Việt Nam - B-BVH-005425-TT

a) Về thẩm quyền giải quyết thủ tục: Phân cấp thẩm quyền cho Cục Điện ảnh ra quyết định cho phép tổ chức chiếu, giới thiệu phim nước ngoài tại Việt Nam.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện, giao Cục Điện ảnh là đơn vị nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Quy định tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cho phép tổ chức chiếu, giới thiệu phim nước ngoài tại Việt Nam.

- Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 1 bộ.

4. Thủ tục Tổ chức những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài – B-BVH-005427-TT

a) Về thẩm quyền giải quyết thủ tục: Phân cấp thẩm quyền cho Cục Điện ảnh ra quyết định cho phép tổ chức những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

c) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cho phép tổ chức những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài.

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 1 bộ.

5. Thủ tục cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam - B - BVH-004596-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện, giao Cục Điện ảnh là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cho phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam.

- Ngôn ngữ của mẫu đơn đề nghị là song ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh.

- Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 1 bộ.

6. Thủ tục đặt Văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam ở nước ngoài - B-BVH-005409-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện, giao Cục Điện ảnh là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

- Quy định tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cho phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài.

- Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 1 bộ.

7. Thủ tục tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề - B-BVH-005426-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện, giao Cục Điện ảnh là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả cho tổ chức đề nghị tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị tổ chức liên hoan phim, mẫu điều lệ liên hoan phim.

- Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 1 bộ.

8. Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim đối với:

- Phim truyện do cơ sở điện ảnh trong cả nước sản xuất hoặc nhập khẩu (trừ trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép theo khoản 3 Điều 17 Nghị định số 96/2007/NĐ-CP;

- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc Trung ương sản xuất hoặc nhập khẩu; Phim được sản xuất từ việc hợp tác, cung cấp dịch vụ sản xuất, liên doanh sản xuất với các tổ chức, cá nhân nước ngoài. - B-BVH-005395-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện, giao Cục Điện ảnh là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả.

- Quy định tổ chức nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 1 bộ.

9. Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim đối với:

- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;

- Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh của địa phương đóng trên địa bàn cấp tỉnh đáp ứng các điều kiện:

+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;

+ Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến. - B-BVH-05382-TT

a) Trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 1 bộ.

10. Thủ tục phê duyệt nội dung và kế hoạch nhập khẩu đối với tác phẩm điện ảnh (ghi trên mọi chất liệu) trước khi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu - B-BVH-036022-TT

Bãi bỏ thủ tục Phê duyệt nội dung và kế hoạch nhập khẩu đối với tác phẩm điện ảnh được quy định tại điểm a, khoản 2.2 mục II, phần C Thông tư số 48/2006/TT-BVHTT ngày 05/5/2006 hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

VI. LĨNH VỰC DU LỊCH

1. Thủ tục cấp giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam - B-BVH-016836-TT

a) Quy định cụ thể cách thức thực hiện thủ tục hành chính.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ mục “Tài liệu kèm theo” trong Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập chi nhánh” tại phụ lục số 7 Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL

- Quy định ngôn ngữ sử dụng trong đơn đề nghị cấp giấy phép là song ngữ Việt - Anh.

2. Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp:

- Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác;

- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

- Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài -B-BVH-016972-TT.

a) Quy định cụ thể cách thức thực hiện thủ tục hành chính.

b) Về thành phần hồ sơ

- Bỏ các thành phần hồ sơ: “Bản gốc giấy phép thành lập chi nhánh bị rách, nát khi doanh nghiệp làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh” và “Đơn khai báo của chi nhánh về việc mất hoặc tiêu hủy có xác nhận của cơ quan công an cấp phường, xã nơi chi nhánh đặt trụ sở”.

- Bỏ “Bản gốc giấy phép thành lập chi nhánh đã được cấp” kèm theo Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh.

- Quy định số bộ hồ sơ là 1 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Bổ sung quy định cấp lại đối với trường hợp “thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập”.

3. Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Giấy phép thành lập chi nhánh bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy – B-BVH-017045-TT

a) Quy định rõ việc nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc thư điện tử (Email).

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ các quy định: nộp bản gốc giấy phép thành lập chi nhánh bị rách, nát khi doanh nghiệp làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép thành lập chi nhánh; doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan công an cấp phường, xã nơi chi nhánh đặt trụ sở khi giấy phép thành lập chi nhánh bị mất hoặc bị tiêu hủy.

- Bỏ “Bản gốc giấy phép thành lập chi nhánh đã được cấp” kèm theo Đơn đề nghị.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam - B-BVH-017090-TT

a) Quy định cụ thể cách thức thực hiện thủ tục.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ quy định phải nộp “Bản gốc giấy phép thành lập chi nhánh đã được cấp”, “Bản sao hộ chiếu, thị thực nhập cảnh (nếu là người nước ngoài) hoặc hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam) của người đứng đầu chi nhánh sắp kế nhiệm (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007)” và “Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của chi nhánh (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007)” kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh.

- Bổ sung ngôn ngữ tiếng Anh trong đơn đề nghị cấp giấy phép.

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định cụ thể thời gian có hiệu lực của Giấy phép thành lập chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

d) Bổ sung quy định doanh nghiệp nước ngoài thay đổi địa điểm tại nước nơi doanh nghiệp thành lập phải sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh để bảo đảm tính thống nhất giữa Nghị định số 92/2007/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 89/2008/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về trường hợp doanh nghiệp du lịch nước ngoài phải sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh.

5. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam -B-BVH-020312-TT

a) Quy định cụ thể cách thức thực hiện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định ngôn ngữ sử dụng trong đơn đề nghị cấp giấy phép là song ngữ Việt- Anh.

- Bỏ quy định phải nộp “Bản gốc giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được cấp”, “Bản sao hộ chiếu, thị thực nhập cảnh (nếu là người nước

ngoài) hoặc hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam) của người đứng đầu văn phòng đại diện sắp kế nhiệm (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007)” và “Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của văn phòng đại diện (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007)” kèm theo Đơn đề nghị.

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Chi nhánh của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam - B-BVH-017343-TT

a) Quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định ngôn ngữ sử dụng trong đơn đề nghị cấp giấy phép song ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh.

- Bộ quy định phải nộp “Bản gốc giấy phép thành lập chi nhánh đại diện đã được cấp” kèm theo Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập chi nhánh.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7. Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp:

- Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác;

- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

- Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài -B-BVH-020119-TT

a) Quy định cụ thể cách thức thực hiện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bộ quy định phải nộp “Bản gốc giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được cấp”

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 1 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định bổ sung cấp lại đối với trường hợp “thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập”.

8. Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy – B-BVH-020207-TT

a) Quy định rõ cách thức thực hiện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bổ quy định “nộp bản gốc giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị rách, nát khi doanh nghiệp làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện; doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan công an cấp phường, xã nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở khi giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất hoặc bị tiêu hủy”.

- Bổ quy định nộp “Bản gốc giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được cấp”, “Bản sao hộ chiếu, thị thực nhập cảnh (nếu là người nước ngoài) hoặc hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam) của người đứng đầu văn phòng đại diện sắp kế nhiệm”, “Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của văn phòng đại diện (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007)” kèm theo Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện .

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 1 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9. Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam – B-BVH-020275-TT

a) Quy định rõ cách thức thực hiện thủ tục hành chính.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bổ sung ngôn ngữ tiếng Anh trong đơn đề nghị cấp giấy phép.

- Bổ quy định “Bản gốc giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được cấp” kèm theo Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế – B - BVH-017129-TT

a) Quy định cách thức thực hiện: gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ “chương trình du lịch cho khách quốc tế”, “bản sao thẻ hướng dẫn viên và hợp đồng của hướng dẫn viên với doanh nghiệp lữ hành” trong thành phần hồ sơ phải nộp.

- Bổ sung thông tin về số thẻ, ngày tháng năm cấp, nơi cấp vào Phương án kinh doanh lữ hành tại Phụ lục số 2, Thông tư số 89/2008/TT-BHVHTTDL.

- Bãi bỏ nội dung "Tài khoản tiền đồng" và "Tài khoản ngoại tệ" trong mục 7 Đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 02 bộ.

c) Quy định mức mua bảo hiểm tối thiểu đối với từng loại hình du lịch (khách du lịch nội địa và đưa khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài).

d) Quy định cụ thể trách nhiệm của doanh nghiệp lữ hành đưa khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài tham quan du lịch, quy định rõ việc “cử hướng dẫn viên của công ty đi cùng và quản lý khách du lịch theo chương trình đã ký với khách”.

đ) Sửa đổi quy định về ngành nghề kinh doanh lữ hành trong Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

e) Bổ sung mục phạm vi kinh doanh lữ hành quốc tế vào mẫu đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

11. Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế - B-BVH-017155-TT

a) Quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính: gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ yêu cầu doanh nghiệp gửi kèm theo bản gốc giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế đã bị rách, nát khi làm thủ tục cấp lại giấy phép trong thành phần hồ sơ.

- Bỏ yêu cầu xác nhận của cơ quan công an vào Đơn đề nghị trong trường hợp giấy phép bị mất, cháy hoặc tiêu hủy, bỏ quy định việc doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan công an trong trường hợp giấy phép bị mất, cháy hoặc tiêu hủy.

- Bổ sung Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp vào thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép.

c) Bổ sung mục phạm vi kinh doanh lĩnh vực quốc tế vào mẫu đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế.

d) Thống nhất quy định về thủ tục trong các trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép (bị mất, cháy, tiêu hủy, rách, nát).

đ) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

12. Thủ tục đổi giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế - B-BVH-017108-TT

a) Quy định cách thức thực hiện: gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định cụ thể “Giấy tờ liên quan” tại Nghị định 92/2007/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Quy định cụ thể về kinh doanh lĩnh vực tại Việt Nam đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

d) Bổ sung mục phạm vi kinh doanh lĩnh vực quốc tế vào mẫu đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế.

13. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế - B -BVH-036106 -TT

a) Quy định cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định tài liệu gửi kèm hồ sơ là bản sao và đối chiếu bản chính (khi nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao công chứng/chứng thực (khi nộp hồ sơ qua đường bưu điện). Trường hợp, tài liệu được dịch ra Tiếng Việt từ tiếng nước ngoài hoặc tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải công chứng/chứng thực.

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 1 bộ.

c) Quy định người có trình độ cao đẳng trở lên, khi đáp ứng được các điều kiện được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

d) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bỏ “Phiếu thông tin” trong Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.

- Bổ sung nội dung cam kết về tính chính xác và trung thực của nội dung đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch và lý do đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch vào phần cuối của đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch loại thẻ quốc tế.

14. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa - B-BVH-036105-TT

a) Quy định cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định tài liệu gửi kèm hồ sơ là bản chụp và đối chiếu bản chính (khi nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao có chứng thực (khi nộp hồ sơ qua đường bưu điện). Trường hợp, tài liệu được dịch ra Tiếng Việt từ tiếng nước ngoài hoặc tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được chứng thực.

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 1 bộ.

c) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bỏ “Phiếu thông tin” trong Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.

- Bổ sung nội dung cam kết về tính chính xác và trung thực của nội dung đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch và lý do đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch vào phần cuối của đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch, loại thẻ nội địa.

15. Thủ tục đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch - B-BVH-036107-TT

a) Quy định cách thức thực hiện: gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định tài liệu gửi kèm hồ sơ là bản sao và đối chiếu bản chính (khi nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao công chứng/chứng thực (khi nộp hồ sơ qua đường bưu điện). Trường hợp, tài liệu được dịch ra Tiếng Việt từ tiếng nước ngoài hoặc tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải công chứng/chứng thực.

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 1 bộ.

c) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bỏ “Phiếu thông tin” trong Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.

- Bỏ sung nội dung cam kết về tính chính xác và trung thực của nội dung đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch và lý do đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch vào phần cuối của đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch, loại thẻ quốc tế/nội địa.

16. Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch -B-BVH-036104-TT

a) Quy định cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ Giấy xác nhận bị mất thẻ hoặc hư hỏng.

- Quy định số lượng hồ sơ là 1 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bỏ sung nội dung “ Lý do ” cấp lại trong đơn đề nghị.

- Bỏ sung nội dung cam kết về tính chính xác và trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch và nội dung lý do đề nghị đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch vào phần cuối của đơn đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.

- Bỏ “Phiếu thông tin” trong Đơn đề nghị đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch.

17. Thủ tục cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch -B-BVH-036103-TT

a) Pháp lý hóa quy định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết cho thủ tục cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch.

b) Quy định rõ cơ quan có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính.

c) Quy định cụ thể thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

18. Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du -B-BVH-010256-TT

- Bỏ quy định "Có cam kết, chứng nhận về về an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ an toàn thực phẩm" trong Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du

lich (Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

19. Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch - B-BVH - 010189-TT

- Bỏ quy định "Có cam kết, chứng nhận về an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ an toàn thực phẩm" trong Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

20. Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch - B-BVH-010280-TT

a) Về thành phần hồ sơ: Bỏ quy định "Xác nhận báo cáo tác động môi trường hoặc xác nhận cam kết bảo vệ môi trường của cấp có thẩm quyền" trong thành phần hồ sơ.

b) Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch:

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về điều kiện an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ..." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

21. Thủ tục thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch – B - BVH-012987-TT

Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch:

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về điều kiện an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ... .." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

22. Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch hạng 3 sao cho khách sạn, làng du lịch B-BVH-013043-TT

a) Về thành phần hồ sơ: Bỏ nội dung “Xác nhận báo cáo tác động môi trường hoặc xác nhận cam kết bảo vệ môi trường của cấp có thẩm quyền” trong thành phần hồ sơ.

b) Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch:

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về điều kiện an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ..." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

23. Thủ tục thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 3 sao cho khách sạn, làng du lịch - B-BVH-013146-TT

Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch:

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về điều kiện an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ..." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

24. Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch hạng 4 sao, 5 sao cho khách sạn, làng du lịch - B-BVH-013165-TT

a) Bỏ nội dung “Xác nhận báo cáo tác động môi trường hoặc xác nhận cam kết bảo vệ môi trường của cấp có thẩm quyền” trong thành phần hồ sơ.

b) Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch:

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về điều kiện an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ..." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

25. Thủ tục thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 4 sao, 5 sao cho khách sạn, làng du lịch – B-BVH-013176-TT

Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch:

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về điều kiện an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ..." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

26. Thủ tục xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác - B-BVH-013953-TT

a) Bỏ nội dung "Xác nhận báo cáo tác động môi trường hoặc xác nhận cam kết bảo vệ môi trường của cấp có thẩm quyền" trong thành phần hồ sơ.

b) Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch.

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về điều kiện an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ ..." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

27. Thủ tục thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác - B-BVH-014102-TT

Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch:

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về điều kiện an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ ..." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

28. Thủ tục xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng cao cấp cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch - B-BVH-013184-TT

a) Bỏ nội dung “Xác nhận báo cáo tác động môi trường hoặc xác nhận cam kết bảo vệ môi trường của cấp có thẩm quyền” trong thành phần hồ sơ.

b) Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch:

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về điều kiện an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ ..." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

29. Thủ tục thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng cao cấp cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch – B-BVH-013926-TT

Đơn giản hóa Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch:

- Bỏ yêu cầu "Có cam kết, chứng nhận về..." trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Bỏ nội dung từ mục 4 đến mục 7 trong Đơn đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

VII. LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIỆP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM

1. Các thủ tục:

- Cấp giấy phép triển lãm mang tính quốc gia, quốc tế (Khi được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch uỷ quyền); Triển lãm cá nhân, nhóm tác giả và tổ chức nước ngoài vào trưng bày tại Việt Nam; triển lãm cá nhân nhóm tác giả và tổ chức cá nhân đưa ra nước ngoài; triển lãm của Hội mỹ thuật Việt Nam, của các Hội trung ương, cơ quan cấp Bộ và tương đương -B-BVH-015526-TT

- Cấp giấy phép triển lãm mang tính quốc gia, quốc tế - B-BVH-015443-TT.

a) Tách riêng thành hai thủ tục: cấp phép triển lãm Việt Nam ở nước ngoài và cấp phép triển lãm trong nước.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục hành chính.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm.

c) Về thành phần hồ sơ:

- Bộ quy định phải nộp Cataloge, tờ gấp trong thành phần hồ sơ.

- Quy định cá nhân xin phép triển lãm chỉ cần nộp bản chụp chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu để thay thế quy định Ủy ban nhân dân phường, xã; Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài; Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán hoặc tổ chức quốc tế xác nhận về nơi cư trú. Khi nộp hồ sơ cá nhân mang theo bản gốc để đối chiếu.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Quy định thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Cấp giấy phép triển lãm của cá nhân, nhóm triển lãm mỹ thuật tỉnh, thành phố, triển lãm mỹ thuật khu vực; triển lãm được Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Triển lãm ủy quyền -B-BVH-015316-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục hành chính.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bộ quy định phải nộp Cataloge, tờ gấp trong thành phần hồ sơ.

- Quy định cá nhân xin phép triển lãm nộp bản photocopy chứng minh thư nhân dân để thay thế quy định Ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận về nơi cư trú. Khi nộp hồ sơ cá nhân mang theo bản gốc để đối chiếu.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Các thủ tục:

- Cấp phép triển lãm ảnh, liên hoan ảnh, cuộc thi ảnh nghệ thuật, đại hội nhiếp ảnh quốc tế tại Việt Nam (Triển lãm, liên hoan, thi ảnh toàn quốc; triển lãm, liên hoan, thi ảnh quy mô quốc gia của Việt Nam đưa ra nước ngoài; đại hội nhiếp ảnh quốc tế tại Việt Nam) -B-BVH-014239-TT

- Cấp phép triển lãm ảnh, liên hoan ảnh, cuộc thi ảnh nghệ thuật (Triển lãm, liên hoan ảnh chuyên đề; triển lãm, liên hoan ảnh của các tổ chức ở Trung ương trưng bày ở trong nước hoặc ở nước ngoài; triển lãm, liên hoan ảnh của tổ chức quốc tế hoặc cá nhân thuộc tổ chức quốc tế trưng bày tại Việt Nam; đưa ảnh của cá nhân ra nước ngoài dự thi, liên hoan ảnh có quy mô quốc gia hoặc quốc tế) -B-BVH-014314-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục hành chính.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bộ quy định phải nộp Cataloge, tờ gấp trong thành phần hồ sơ.

- Quy định cá nhân xin phép triển lãm chỉ cần nộp bản photocopy chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu để thay thế quy định Ủy ban nhân dân phường, xã, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán hoặc tổ chức quốc tế xác nhận về nơi cư trú. Khi nộp hồ sơ cá nhân mang theo bản gốc để đối chiếu.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định mức phí, lệ phí.

đ) Tách tên thủ tục để phù hợp với các đối tượng thực hiện.

4. Thủ tục Cấp phép triển lãm ảnh, liên hoan ảnh, cuộc thi ảnh nghệ thuật (Triển lãm, liên hoan ảnh của tổ chức, cá nhân ở địa phương; triển lãm, liên hoan ảnh của khu vực tổ chức tại địa phương; triển lãm, liên hoan ảnh của tổ chức nước ngoài có trụ sở tại địa phương và của các cá nhân người nước ngoài thuộc tổ chức đó; triển lãm, liên hoan ảnh của cá nhân nước ngoài không thuộc một tổ chức nào; triển lãm, liên hoan ảnh, thi ảnh của tổ chức, cá nhân thuộc địa phương đưa ra nước ngoài không có quy mô quốc gia và quốc tế) -B-BVH-014711-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục hành chính.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi diễn ra hoạt động.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ quy định phải nộp Cataloge, tờ gấp trong thành phần hồ sơ;
 - Quy định cá nhân xin phép triển lãm chỉ cần nộp bản chụp chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu, thay vì Ủy ban nhân dân phường, xã; Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài; Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán hoặc tổ chức quốc tế xác nhận về nơi cư trú. Khi nộp hồ sơ cá nhân mang theo bản gốc để đối chiếu.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định mức phí, lệ phí thực hiện thủ tục.

5. Các thủ tục:

- Đăng ký tổ chức thi ảnh quốc tế tại Việt Nam -B-BVH-014889-TT

- Đăng ký tổ chức thi ảnh quốc gia -B-BVH-014847-TT

- Đăng ký tổ chức thi ảnh địa phương, khu vực -B-BVH-014800-TT

Bãi bỏ các thủ tục đăng ký tổ chức thi ảnh quốc tế tại Việt Nam, đăng ký thi ảnh quốc gia và đăng ký tổ chức thi ảnh địa phương, khu vực.

6. Thủ tục Cấp giấy phép thể hiện phần mỹ thuật tượng đài, tranh hoành tráng cấp Trung ương; công trình tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh, công trình cấp tỉnh thành phố và công trình cấp Bộ, ngành có quy mô to lớn đặt ở trung tâm văn hoá, chính trị, xã hội; công trình tượng đài nằm trong khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đã được nhà nước xếp hạng; công trình tranh tượng tôn giáo cỡ lớn; tượng đài của nước ngoài xây dựng tại Việt Nam -B-BVH-015087-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục hành chính.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm.

b) Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 02 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7. Các thủ tục:

- Cấp giấy phép thể hiện phần mỹ thuật tượng đài, tranh hoành tráng cấp địa phương (không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ VHTTDL -B-BVH-05127-TT

- Cấp giấy phép thể hiện phần mỹ thuật tượng đài, tranh hoành tráng cấp địa phương (trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép -B-BVH-015160-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục hành chính
- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi có công trình xin phép xây dựng.

b) Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 02 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8. Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc trong nước do tổ chức, cá nhân thuộc địa phương tổ chức tại địa phương -B-BVH-015301-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục hành chính.
- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi tổ chức trại.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định cụ thể các nội dung của “đề án”.
- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 02 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Bỏ yêu cầu, điều kiện: Tổ chức, cá nhân là người nước ngoài muốn tổ chức Trại sáng tác điêu khắc tại Việt Nam thì phải phối hợp với đơn vị Việt Nam có chức năng tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

9. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc quốc tế, trại điêu khắc quốc gia -B-BVH-015270-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục hành chính.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định cụ thể các nội dung của “Đề án”.
- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 02 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10. Thủ tục thẩm định dự toán phần mỹ thuật (từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đối với dự toán kinh phí từ 7 tỷ đồng trở lên) -B-BVH-015781-TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân xin thẩm định dự toán phần mỹ thuật (từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đối với dự toán kinh phí từ 7 tỷ đồng trở lên) nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm.

b) Về thành phần hồ sơ

- Quy định cụ thể “các tài liệu liên quan tới công trình”.
- Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 02 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

11. Thủ tục thẩm định dự toán phần mỹ thuật (từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đối với dự toán kinh phí dưới 7 tỷ đồng) -B-BVH-015664-TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân xin thẩm định dự toán phần mỹ thuật (từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đối với dự toán kinh phí dưới 7 tỷ đồng) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm.

b) Về thành phần hồ sơ

- Quy định cụ thể “các tài liệu liên quan tới công trình”.
- Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 02 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

12. Thẩm định dự toán phần mỹ thuật (từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đối với dự toán kinh phí dưới 300 triệu đồng) -B-BVH – 015719-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định rõ cơ quan có thẩm quyền quyết định và cơ quan trực tiếp thực hiện.

- Quy định tổ chức, cá nhân xin thẩm định dự toán phần mỹ thuật (từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đối với dự toán kinh phí dưới 300 triệu đồng) gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi có công trình xin thẩm định, cấp phép.

b) Về thành phần hồ sơ

- Quy định cụ thể “các tài liệu liên quan tới công trình”.

- Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 02 bộ.

c) Quy định thời gian giải quyết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

13. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký triển lãm (đối với các triển lãm văn hóa, nghệ thuật không thuộc các trường hợp do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép) - B-BVH-014204-TT

Thay thế “thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký triển lãm” bằng “Thông báo của tổ chức, cá nhân về tổ chức triển lãm”.

VIII. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

1. Thủ tục đăng cai tổ chức đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới; giải vô địch từng môn thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; Đại hội thể thao toàn quốc -B-BVH-04405-TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân đăng cai tổ chức Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới; giải vô địch từng môn thể thao khu vực, châu lục và thế giới tại Việt Nam; Đại hội thể dục thể thao toàn quốc phải gửi hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Quy định số lượng hồ sơ là 01 bộ.

2. Thủ tục đăng cai tổ chức Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương -B-BVH-004408-TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân xin phép đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi phải gửi hồ sơ đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Quy định rõ số lượng hồ sơ là 01 bộ.

3. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp - B -BVH 004422-TT

a) Quy định tổ chức xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp phải gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao - B-BVH-004299-TT

a) Quy định tổ chức xin Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao phải gửi hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

5. Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên thể dục, thể thao - B - BVH 004307 -TT

Bãi bỏ thủ tục cấp thẻ cộng tác viên thể dục, thể thao.

6. Thủ tục đăng cai tổ chức Giải thi đấu vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao - B-BVH-004407-TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân đăng cai tổ chức giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao gửi đến Tổng cục Thể dục Thể thao bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

b) Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

IX. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ

1. Các thủ tục:

- Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke (do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp) - B-BVH-02628-TT

- Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke (do Huyện cấp) - B - BVH - 021881- TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ quy định về “Ý kiến bằng văn bản của các hộ liên kề”.

c) Quy định thời hạn giải quyết là 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định lệ phí cấp giấy phép kinh doanh Karaoke.

đ) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bỏ nội dung “gia hạn” trong mẫu số 6 Giấy phép kinh doanh karaoke phụ lục đính kèm Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ nội dung “Giấy phép này có giá trị đến hết ngày...tháng ...năm” trong mẫu số 6 Giấy phép kinh doanh Karaoke phụ lục đính kèm Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ nội dung “Những hộ liên kê theo quy định gồm” trong mẫu số 5 đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh Karaoke phụ lục đính kèm Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ quy định “tài liệu kèm theo” trong mẫu số 5 đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh Karaoke phụ lục đính kèm Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

e) Bổ sung quy định “Trường hợp, các tổ chức quy định tại khoản 4 - Điều 30 Quy chế ban hành kèm Nghị định 103/2009/NĐ-CP chuyển đến làm việc, hoạt động trong phạm vi 200m đối với địa điểm hoạt động Karaoke thì tổ chức, cá nhân kinh doanh Karaoke vẫn được phép kinh doanh theo giấy phép đã cấp”.

2. Cấp giấy phép kinh doanh Vũ trường (do Sở VHTTDL cấp) - B-BVH-01881-TT

a) Quy định tổ chức xin cấp giấy phép phải nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ quy định “Người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ phải có trình độ trung cấp chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật trở lên” và bỏ quy định “Bản sao giấy chứng nhận trình độ của người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ”.

c) Quy định thời gian giải quyết 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.

đ) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bỏ “Gia hạn lần 1” và “Gia hạn lần 2” trong mẫu số 4 giấy phép kinh doanh vũ trường phụ lục đính kèm Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ “Tên, biển hiệu kinh doanh” trong nội dung của mẫu đơn được quy định tại phụ lục kèm theo của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bỏ “Người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ” tại điểm 3 mẫu số 3 Đơn đề nghị kinh doanh vũ trường được quy định tại phụ lục đính kèm của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Cấp giấy phép tổ chức lễ hội - B-BVH-02687-TT

a) Quy định tổ chức xin cấp giấy phép nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

- Bỏ quy định phải nộp “Bản cam kết khi tổ chức lễ hội không vi phạm các quy định cấm” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 Ban hành quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.

c) Về mẫu đơn:

- Bỏ nội dung trong Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức lễ hội được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 Ban hành quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng “cam kết đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm”.

- Bỏ mẫu “Đơn đề nghị cấp phép tổ chức lễ hội (phụ lục đính kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Công nhận Gia đình văn hóa -B-BVH-2706-TT

a) Quy định số lượng nộp hồ sơ là 01 bộ.

b) Quy định thời hạn giải quyết của thủ tục này là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ban vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đề nghị.

5. Các thủ tục:

- Công nhận Làng văn hóa -B-BVH- 2711-TT
- Công nhận Tổ dân phố văn hóa -B-BVH-22715-TT

a) Về thành phần hồ sơ:

- Bộ quy định phải nộp “Biên bản kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng hoặc giữ vững danh hiệu “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” hàng năm của Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã, phường, thị trấn quy định tại điểm c khoản 2 điều 9 quyết định Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục là 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nhận đủ hồ sơ theo quy định do phòng Văn hóa - Thông tin phối hợp với cơ quan Thi đua - khen thưởng huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh trình.

X. LĨNH VỰC THƯ VIỆN**1. Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 20.000 bản trở lên - B-BVH-010069-TT**

a) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Thủ tục đăng ký hoạt động Thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 20.000 bản - B-BVH-009554-TT

a) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản - B-BVH-048994-TT

a) Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

b) Quy định thời gian giải quyết là 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

XI. VĂN HÓA PHẨM NHẬP KHẨU

1. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các loại văn hóa phẩm:

- Đề tham gia triển lãm, hội chợ, dự thi, liên hoan ở cấp quốc gia, trao đổi hợp tác, viện trợ;

- Phổ biến phim điện ảnh, phim truyền hình theo quy định của pháp luật; phổ biến, phát hành sách, báo, tạp chí trong toàn quốc hoặc trên địa bàn nhiều địa phương khác nhau theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan ngành chủ quản cấp Bộ có thẩm quyền quản lý nhà nước về nội dung văn hóa phẩm nhập khẩu;

- Của tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao để chuyển giao cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc lưu hành, phổ biến tại Việt Nam;

- Để sử dụng vào các mục đích khác. - B -BVH-008102-TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

- Bỏ quy định “ý kiến của cơ quan chủ quản” trong đơn xin cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

- Sửa đổi cụm từ “Kính gửi: Bộ Văn hóa – Thông tin (hoặc) Sở Văn hóa, Thông tin” thành “Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.” trong đơn xin cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

c) Quy định giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm có thời hạn hiệu lực là 30 ngày.

2. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các loại văn hóa phẩm:

- Có nội dung chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

- Có nội dung kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động dâm ô, đồi trụy, tội ác;

- Có nội dung thuộc về bí mật nhà nước;

- Có nội dung thông tin sai sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống nhằm xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm công dân;

- Văn hóa phẩm vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam về quảng cáo hàng hóa; vi phạm các quy định của Luật Xuất bản, Luật Báo chí, Luật Di

sản văn hoá, các quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự và các quy định pháp luật khác của Nhà nước Việt Nam;

- Các loại văn hóa phẩm khác mà pháp luật cấm tàng trữ, phổ biến, lưu hành tại Việt Nam. - B -BVH-008052-TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Bỏ quy định “ý kiến của cơ quan chủ quản” trong đơn xin cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

- Sửa đổi cụm từ “Kính gửi: Bộ Văn hóa – Thông tin (hoặc) Sở Văn hóa, Thông tin” thành “Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong đơn xin cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

c) Quy định giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm có hiệu lực trong thời hạn là 30 ngày.

3. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm của cá nhân, tổ chức ở địa phương:

- Để phục vụ công việc của tổ chức hoặc sử dụng cá nhân;

- Để tham gia triển lãm, hội chợ, tham dự các cuộc thi, liên hoan; lưu hành, phổ biến tại địa phương;

- Để sử dụng vào các mục đích khác theo đề nghị của thủ trưởng cơ quan ngành chủ quản cấp tỉnh có thẩm quyền quản lý nhà nước về nội dung văn hóa phẩm nhập khẩu;

- Văn hóa phẩm của tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao để chuyển giao cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc lưu hành, phổ biến tại Việt Nam;

- Do Bộ trưởng Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch ủy quyền cấp giấy phép.
- B - BVH-029510-TT

a) Quy định tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép phải nộp hồ sơ bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

b) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ quy định “ý kiến của cơ quan chủ quản” trong đơn xin cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

- Sửa đổi cụm từ “Kính gửi: Bộ Văn hóa – Thông tin (hoặc) Sở Văn hóa, Thông tin” thành “Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.” trong đơn xin cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

- Quy định số bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

c) Quy định giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm có thời hạn hiệu lực là 30 ngày.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. ĐỐI VỚI CÁC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT, PHÁP LỆNH:

1. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Trên cơ sở Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua, căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thời hạn, tiến độ phải hoàn thành, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các luật sau đây:

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2009;

- Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 3 mục II; khoản 10,13,16 mục VI phần A của Phụ lục này, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định việc trình dự thảo Luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự án Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH10 ngày 16 tháng 11 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3 mục I, phần A của Phụ lục này, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3 mục I phần A của Phụ lục này, ban hành cùng thời điểm có hiệu lực của dự án Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH10 ngày 16 tháng 11 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

- Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT/BVHTT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Y tế hướng dẫn về hoạt động quảng cáo trong lĩnh vực y tế.

- Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT/BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thực hiện quảng cáo một cửa liên thông;

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3 mục I phần A của Phụ lục này, ban hành cùng thời điểm có hiệu lực của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo;

2. Giao Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng dự thảo Thông tư để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ các quy định tại Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3 mục I, phần A của Phụ lục này, ban hành cùng thời điểm có hiệu lực của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo.

II. ĐỐI VỚI CÁC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT, PHÁP LỆNH

1. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

- Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan;

- Nghị định số 86/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước;

- Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa;

- Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

- Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng;

- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành “Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng”

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 Mục II; khoản 2,5,6,7,8 mục III; khoản 1 mục IV; các khoản từ 1 đến 16 mục VI; khoản 1,2,6 mục VIII; khoản 1, 2, 3 mục X, phần A của Phụ lục này, trình Chính phủ thông qua trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 10 mục VI phần A của Phụ lục này, trình Thủ tướng Chính phủ thông qua trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

c) Xây dựng Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

- Quyết định số 88/2006/QĐ-BVHTT ngày 17/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) về việc ban hành các mẫu tờ khai, giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan;

- Quyết định số 09/2004/QĐ-BVHTT ngày 11/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bảo tàng tư nhân;

- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

- Quyết định số 47/2004/QĐ-BVHTT ngày 02 tháng 7 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành kèm theo Quy chế hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

- Thông báo số 5, Văn bản số 453/VHTT- TB ngày 28 tháng 2 năm 1995 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về việc sử dụng những bài hát sáng tác trước năm 1975 tại các tỉnh phía Nam;

- Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT ngày 05 tháng 8 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu hành, kinh doanh băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình ca nhạc sân khấu;

- Thông tư số 48/2006/TT-BVHTT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa Quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

- Quyết định số 87/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế Tổ chức thi Hoa hậu, Hoa khôi, Người đẹp;

- Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về kinh doanh lữ hành, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam, hướng dẫn du lịch và xúc tiến du lịch;

- Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về lưu trú du lịch;

- Quyết định số 10/2000/BVHTT ngày 15 tháng 5 năm 2000 của Bộ Văn hoá Thông tin nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về quy chế hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery;

- Quyết định số 29/2000/BVHTT ngày 20 tháng 11 năm 2000 của Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) về Quy chế hoạt động Nhiếp ảnh;

- Quyết định số 05/2000/QĐ-BVHTT ngày 29 tháng 3 năm 2000 ban hành Quy chế quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (phần mỹ thuật);

- Quyết định số 90/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch về Quy chế tổ chức trại sáng tác điêu khắc;

- Thông tư số 05/2007/TT-UBTĐTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao;

- Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ;

- Thông tư số 36/2002/TT-BVHTT ngày 24 tháng 12 năm 2002 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2002/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;

- Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) Ban hành Quy chế công nhận danh hiệu "Gia đình văn hoá", "Làng văn hoá", "Tổ dân phố văn hoá"

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3 mục II; khoản 4, 6 mục III, các khoản từ 1 đến 19 mục IV; khoản 1 mục V; khoản 1 đến 26 mục VI; các khoản từ 1 đến 13 mục VII; khoản 5 mục VIII; các khoản từ 1 đến 5 mục IX; khoản 1, 2, 3 mục XI phần A của Phụ lục này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

d) Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 mục V phần A của Phương án đơn giản hóa.

đ) Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Bộ thủ tục hành chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành kèm theo Quyết định số 2772/QĐ-BVHTTDL ngày 11/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 21 mục IV phần A của Phụ lục này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

2. Giao Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan xây dựng Dự thảo Thông tư hướng dẫn:

- Lệ phí cấp phép triển lãm, thi, liên hoan ảnh;
- Lệ phí cấp phép kinh doanh karaoke;
- Lệ phí cấp phép kinh doanh vũ trường

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 3,4,6 mục VII; khoản 1, 2 mục IX phần A của Phụ lục này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011./.